

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUẬT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày: 14/01/2022

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Duy Đức

*Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Tạc

2. Ông Nguyễn Hưng

*Thư ký phiên tòa:* Bà Văn Thị Nguyễn Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thụ lý số: 334/2021/TLST-DS ngày 09/8/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2021/QĐXX-DS ngày 16/11/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 198/2021/QĐST-DS ngày 01/12/2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 24/2021/QĐST-DS ngày 17/12/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị D, sinh năm: 1966; Nơi cư trú: Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ; Nơi cư trú: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Hoàng N, sinh năm: 1987; Nơi cư trú: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

**NHẬN THẤY:**

***Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị D trình bày:***

Do có quan hệ là bạn bè, đồng nghiệp với nhau nên ngày 30/8/2011 bà D có cho bà Nguyễn Thị Đ vay số tiền 160.000.000 đồng, không có tài sản bảo đảm, bà Đ có viết cho bà D một giấy biên nhận đưa bà D giữ. Về lãi suất hai bên thỏa thuận miệng trả theo lãi suất ngân hàng cho vay tại thời điểm vay. Về thời hạn vay hai bên thỏa thuận khi nào bà D cần thì báo trước mấy ngày thì bà Đ sẽ trả. Thời gian qua bà D đã nhiều lần yêu cầu bà Đ trả nợ có khi gặp trực tiếp, có khi nhắn tin gọi điện qua Zalo nhưng bà Đ cứ khất hết lần này đến lần khác.

Từ khi vay tới nay bà Đ đã trả cho bà D được 24.000.000 đồng tiền lãi (Trả 05 lần, trong đó có 02 lần mỗi lần trả 5.000.000 đồng và 02 lần chuyển khoản 01 lần là 4.000.0000 đồng và 01 lần là 10.000.000 đồng). Nay bà D đề nghị Tòa án giải quyết buộc cá nhân bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà D số tiền 160.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật từ khi vay đến nay sau khi trừ đi 24.000.000 đồng tiền lãi đã trả. Bà D không yêu cầu chồng bà Đ phải có trách nhiệm cùng bà Đ trả cho bà D số tiền này vì khi vay chỉ mình bà Đ hỏi vay.

Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Đ, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Do đó không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/12/2021 và ngày 06/01/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hoàng N (là con của bà Đ) có đơn trình bày và đề nghị xem xét giải quyết vắng mặt có nội dung: Mẹ của anh là bà Nguyễn Thị Đ, do có làm ăn nên có vay vốn của bà Vũ Thị D. Ông N có thay mẹ trả tiền cụ thể như sau:

Ngày 19/12/2012 trả 5.000.000 đồng.

Ngày 18/01/2013 trả 5.000.000 đồng.

Ngày 12/11/2014 trả 5.000.000 đồng.

Ngày 15/01/2016 trả 5.000.000 đồng (tại nhà)

Ngày 23/02/2016 trả 5.000.000 đồng (tại xe buýt)

Các khoản trên trả bằng tiền mặt không có giấy xác nhận. Ngoài ra ngày 02/11/2016, nộp tài khoản bà D số tiền 4.000.000 đồng và ngày 31/01/2017 chuyển qua tài khoản công ty Nam Thái Dương lúc đó ông N làm giám đốc công ty số tiền là 10.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền ông N trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị Đ là 39.000.000 đồng. Nay do bà Đ làm ăn khó khăn vì dịch bệnh nên xin được cho mẹ trả dần số nợ còn lại. Ngoài ra ông N đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:***

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Vũ Thị D, buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Đ phải trả số tiền gốc còn nợ là 160.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Vũ Thị D khởi kiện bị đơn là bà Nguyễn Thị Đ có địa chỉ tại đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất với bị đơn được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Vũ Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hoàng N có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà D, bà Đ, ông N là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 160.000.000 đồng mặc dù nguyên đơn đã đòi nhiều lần nhưng bị đơn không trả nên giữa nguyên đơn và bị đơn xảy ra tranh chấp. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn bà Vũ Thị D có cung cấp 01 giấy biên nhận nợ giữa bà Vũ Thị D và bà Nguyễn Thị Đ với nội dung: “Hôm nay, ngày 30/8/2011 chị Đ có vay của D số tiền là 160.000.000 đồng”, có chữ viết và chữ ký mang tên Nguyễn Thị Đ.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Đ không đến Tòa làm việc và không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn. Do bị đơn không tham gia tố tụng nên nguyên đơn bà Vũ Thị D yêu cầu Tòa án giám định chữ viết và chữ ký của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ. Tại Kết luận giám định số 171/KLGD-PC09 ngày 29/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Thị Đ trên giấy biên nhận đề ngày 30/8/2011 so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Đ trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, đã có đủ căn cứ

xác định nguyên đơn và bị đơn có giao dịch lập giấy biên nhận là hợp đồng vay tài sản, do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị D yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà D số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi suất theo quy định pháp luật kể từ khi vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng, khi các bên xác lập giấy biên nhận ngày 30/8/2011 thì không thể hiện thời hạn trả nợ và lãi suất. Bà D cho rằng các bên có thỏa thuận lãi suất theo lãi suất của ngân hàng tại thời điểm vay và về thời hạn thì khi bà D cần báo trước thì bà Đ sẽ trả.

Tại đơn đề nghị xem xét giải quyết vắng mặt, ông Phạm Hoàng N trình bày có thay bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà Vũ Thị D tổng số tiền là 39.000.000 đồng. Tòa án đã yêu cầu ông Phạm Hoàng N cung cấp tài liệu, chứng cứ tuy nhiên ông N chỉ cung cấp được 02 chứng từ thể hiện việc chuyển cho bà D số tiền 14.000.000 đồng và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện đã trả cho bà D số tiền là 25.000.000 đồng. Ngoài ra đối với số tiền 14.000.000 đồng đã chuyển trả cho bà D không thể hiện rõ nội dung số tiền này là trả tiền nợ gốc hay tiền lãi. Bên cạnh đó, bà D thừa nhận từ khi vay tới nay bà Đ đã trả cho bà D được số tiền lãi 24.000.000 đồng (Trả 05 lần, trong đó có 02 lần mỗi lần trả 5.000.000 đồng và 02 lần chuyển khoản 01 lần là 4.000.0000 đồng và 01 lần là 10.000.000 đồng). Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị D buộc bà Đ phải trả tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ khi vay đến nay sau khi trừ đi 24.000.000 đồng tiền lãi đã trả, là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xét thấy, từ ngày 30/8/2011 đến ngày 31/12/2016 cần áp dụng mức lãi suất là 9%/năm và từ ngày 01/01/2017 đến ngày 14/01/2022 cần áp dụng mức lãi suất là 10%/năm là phù hợp với quy định tại các Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Lãi suất được tính như sau:

Từ ngày 30/8/2011 đến ngày 31/12/2016:  $160.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 05 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 01 \text{ ngày} = 76.840.000 \text{ đồng}$ .

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 14/01/2022:  $160.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 05 \text{ năm } 13 \text{ ngày} = 80.578.000 \text{ đồng (làm tròn)}$ .

Tổng cộng tiền lãi suất là 157.418.000 đồng.

Khấu trừ số tiền 24.000.000 đồng tiền lãi mà ông N đã trả thay cho bà Đ thì số tiền lãi bà Đ còn phải trả cho bà D là 133.418.000 đồng.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Vũ Thị D. Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà Vũ Thị D số tiền là 293.418.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi suất là 133.418.000 đồng.

[6] Về chi phí tiền giám định chữ ký, chữ viết: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Quá

trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn bà Vũ Thị D đã nộp số tiền 5.100.000 đồng để chi phí cho việc giám định nên bà D được nhận lại số tiền 5.100.000 đồng sau khi thu được của bị đơn là bà Nguyễn Thị Đ là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 162; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 471; Điều 474; Điều 476; khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị D. Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị D tổng số tiền: 293.418.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi suất là 133.418.000 đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.*

[2] Về chi phí tiền giám định chữ ký, chữ viết: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu số tiền 5.100.000 đồng tiền chi phí cho việc giám định chữ ký, chữ viết. Bà Vũ Thị D được nhận lại số tiền 5.100.000 đồng sau khi thu được của bị đơn là bà Nguyễn Thị Đ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 14.670.900 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Vũ Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 4.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0004418 ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành*

*án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- UBND xã E, Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Trần Duy Đức**